TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **22/**2022/ DS-PT
Ngày: 29/03/2022
V/v tranh chấp QSD đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
Với tHnh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn M Lý

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Tỷ và bà Lê Thị Hồng Phương.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên, thư ký Tòa án tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hương Liên - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh thái nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 75/2021/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS- ST ngày 26/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/QĐPT-DS ngày 24/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1946.

1.2 Ông Nguyễn Văn M sinh năm 1942

Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1985.

Đều trú tại: Xóm PH, xã HB, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

(Đều có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Ông Tạ Văn Đ, sinh năm 1978.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Tạ Văn V, sinh năm 1962.

Đều trú tại: Xóm PH, xã HB, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho bị đơn: Ông Trần Trọng S1 - Luật sư Văn phòng luật sư HT – Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên.

Địa chỉ: Số 24 đường LNQ, tổ 1, phường QT , TP TN , tỉnh Thái Nguyên.

Ông Lê Quang N1 Luật sư thuộc Văn phòng luật sư An Toàn– Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên.

(Đều có mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã HB, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lý Văn M2– chức vụ Chủ tịch ủy ban nhân dân xã HB, huyện ĐH.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Quốc Đ2 – Chức vụ Phó chủ tịch ủy ban nhân dân xã HB, huyện ĐH (*Vắng mặt*).

- Ông Tạ Văn H2, sinh năm 1971 (*Có mặt*)

Trú tại: Xóm PH, xã HB, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

4. Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965 (*Có mặt*).
- Anh Tạ Văn N, sinh năm 1982 (*Vắng mặt*)
- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1983 (*Vắng mặt*)
- Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1969 (*Có mặt*).
- Ông Mai Ngọc X, sinh năm 1935 (*Vắng mặt*).
- Ông Đinh Ngọc N2, sinh năm 1963 (*Vắng mặt*)
- Bà Nguyễn Thị T3(vợ ông Lai) sinh năm 1972 (*Vắng mặt*).

Đều trú tại: Xóm PH, xã HB, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

- Bà Hoàng Thị H3, sinh năm 1980 (*Vắng mặt*)

Trú tại: Xóm HT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn M trình bày:

Năm 1975 gia đình tôi mua đất của bà Nghiêm Thị T3 là mẹ đẻ ông Tạ Văn V với giá là 120 đồng, năm 1978 gia đình tôi có mua thêm đất của ông ngoại ông V thêm một phần diện tích nữa với giá 320 đồng. Diện tích đất nhà tôi đã sử dụng từ năm 1990 cho đến nay, nhà nước đã cấp giấy chứng nhận QSD đất mang tên Nguyễn Văn M (năm 1994). Năm 1989 ông V và anh Đ đến nhà tôi chặt cây và phá hủy cây cối trên đất mà tôi đã mua của bà Nghiêm Thị T3 mà nay là thửa đất số 42 tờ bản đồ số 7, tôi đã làm đơn gửi UBND xã HB, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên nhưng UBND xã HB không giải quyết. Tôi làm đơn gửi ra Tòa án đề nghị buộc gia đình ông V trả lại phần diện tích đã lấn chiếm.

Tại biên bản hòa giải ngày 21/02/2020 bà Nguyễn Thị H trình bầy nội dung khởi kiện: Tôi đòi quyền sử dụng đất mà gia đình đã sử dụng từ năm 1975, năm 1990 UBND huyện ĐH đã có thông báo số 05 ngày 31/5/1990, thông báo số 363 ngày 02/7/1990, thông báo số 399 ngày 31/7/1991 và phiếu thu ngày 10/8/1991 về việc nộp tiền làm thủ tục hợp thức đất. Nhưng UBND xã không thực hiện. Đến năm 1994 nhà nước có chính sách thuế nhà đất sau đó gia đình nhà tôi được cấp 400m2 đất thổ cư, còn phần diện tích đất không được cấp đất thổ cư sẽ chuyển sang đất thổ canh nhưng UBND xã không thực hiện. Nay tôi yêu cầu UBND xã HB thực hiện theo Thông báo số 05 ngày 31/5/1990 để nhà nước cấp giấy chứng nhận QSD đất cấp đất cho tôi. Ngày 21/8/2019, TAND huyện ĐH tiến hành xem xét thẩm định về tài sản. Hai bên đương sự không tranh chấp, bồi thường tài sản nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Ông M: Tôi có ý kiến bổ sung là đề nghị Tòa án nhân dân huyện ĐH yêu cầu UBND huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên và UBND xã HB, huyện ĐH thực hiện giao quyền sử dụng đất cho gia đình nhà tôi theo Thông báo số 05 ngày 31/5/1990.

Tại biên bản lấy lời khai của bị đơn ông Tạ Văn Đ và ý kiến trình bày tại phiên tòa sơ thẩm:

Bố tôi là Tạ Văn T4, mẹ Nghiêm Thị T3 (bố mất năm 1991 mẹ mất năm 2016) nguồn gốc thửa đất số 42 ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh trai là Tạ Văn H2 chuyển cho từ năm 1997 nhưng tôi cho anh V, chị T sử dụng. Năm 2001 tôi kết hôn với chị Nguyễn Thị S nên vợ tôi không liên quan gì đến thửa đất 42 này. Nay ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị H làm đơn kiện đòi sử dụng một phần thửa đất 42 (có hình càng cua) tại xóm PH, xã HB, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên tôi không nhất trí vì thửa đất số 42 tôi đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại bản tự khai của đại diện theo ủy quyền bị đơn ông Tạ Văn V và ý kiến trình bày tại phiên tòa sơ thẩm:

Năm 1980 ông M và bà H từ tỉnh NH lên PH, không có đất ở và đã được bố mẹ tôi là ông Tạ Văn T4 và bà Nghiêm Thị T3 cho ông M bà H mượn khu đất hiện nay đang ở, khu đất này giai đình nhà tôi khai phá trước năm 1980 gia đình nhà tôi có trồng tre, đào hố vôi. Việc cho ông M bà H mượn đất có ông Mai Ngọc X chứng kiến, bụi tre đã được UBND xã và ban xây dựng đường điện đã bồi thường 1.000.000đ ngày 21/6/2000 và hố vôi có bốn gia đình đã mượn để tôi vôi. Còn khu đất số 42, tờ bản đồ số 07 có diện tích 270 m2 mục

đích sử dụng, đất một lúa thể hiện bản đồ giải thửa 299. Từ dẫn chứng trên, thể hiện khu đất đang tranh chấp với bà H là đất gia đình nhà tôi.

Tôi đã giao nộp cho Tòa án ngày 06/12/2019, tài liệu để chứng M gồm:

1. Hồ sơ chuyển tách QSD đất của ông Tạ Văn H2 cho ông Tạ Văn Đ ngày 24/3/1997 (sao y bản chính)

2. Bảng thống kê các loại đất (sao y bản chính)

3. Sơ đồ đất canh tác + Thổ cư (sao y bản chính)

4. Sơ đồ đất rừng (sao y bản chính)

5. Thông báo của phòng địa chính số 233/TB-ĐC ngày 05/5/1997 về thủ tục chuyển quyền sử dụng đất (sao y bản chính)

6. Quyết định của UBND huyện ĐH số 215/QĐ-UB ngày 30/5/1997 về việc cho phép chuyển QSD đất từ ông H2 cho ông Đ (sao y bản chính)

7. Sổ mục kê ruộng đất của UBND xã HB 4 tờ (8 trang) (bản pho tô)

Từ những chứng cứ đã nộp tôi xác định việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Tạ Văn Đ là đúng quy định. Tôi bác bỏ hoàn toàn với ý kiến của nguyên đơn vì nguyên đơn không có chứng cứ chứng M yêu cầu khởi kiện của mình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Tạ Văn H2 xác định:

Bố tôi là Tạ Văn T4 mẹ Nghiêm Thị T3 (bố mất năm 1991 mẹ mất năm 2016) nguồn gốc thửa đất số 42 ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 345853 cấp ngày 05/04/1994 do bố mẹ làm thủ tục cấp cho tôi khi đi kê khai cấp thì mẹ và cán bộ địa chính xã làm, đến năm 1997 do không có nhu cầu sử dụng tôi đã chuyển toàn bộ diện tích đất cho em trai tôi là Tạ Văn Đ trong đó có cả thửa đất số 42 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa 42 có diện tích là 270m2 đất một lúa. Nay ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị H làm đơn kiện đòi sử dụng một phần thửa đất 42 (có hình càng cua) tại xóm PH, xã HB, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên thì tôi không có ý kiến gì vì tôi đã chuyển cho ông Đ rồi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Ủy ban nhân dân xã HB - Đại diện theo ủy quyền ông Đặng Quốc Đ2 phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HB, huyện ĐH trình bày: Theo hồ sơ lưu trữ tại UBND xã thì gia đình nhà ông M bà H đã được cấp 400m2 đất theo giấy chứng nhận QSD đất số C 345809 ngày cấp 05/4/1994. Về việc ông M bà H cho rằng khu đất đang tranh chấp không có diện tích thì UBND xã HB đo đất năm 2007 (sau vụ kiện thứ hai của ông M) có diện tích 587,5m2 trong đó đã cấp cho bà H ông M là 400m2 còn 187,5m2 đất chưa

được cấp. Năm 2007, UBND huyện ĐH thu hồi 47,5m2 (diện tích đất này không nằm trong số diện tích 587,5 m2).

Hiện nay theo bản đồ địa chính năm 2013, thửa đất này là thửa 166, tờ bản đồ số 37, có diện tích 607m2 (trong số diện tích này đã đo cả diện tích 47,5m2 UBND huyện thu hồi năm 2007).

Quá trình giải quyết, tại bản án dân sự sơ thẩm số: 12/DSST, ngày 26/9/2021 Tòa án nhân dân huyện ĐH đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H đối với ông Tạ Văn Đ về quyền sử dụng đất. Ông M, bà H có quyền sử dụng diện tích 74,2 m2 đất tại phần giáp ranh thửa số 42 tờ bản đồ số 7 (nay là thửa đất số165, tờ bản đồ số 37). Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng tổng diện tích đất là 560,6m2 trong đó có 400m đất ở và 160,6m2 đất cây lâu năm (trong phần diện tích 160,6 m2 gồm cả phần diện tích 74,2 m2 giáp ranh thửa 42 cũ) thuộc xóm PH, xã HB, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên đã được Ủy ban nhân dân huyện ĐH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 345809 ngày 05/4/1994. (Có bản trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Ông M, bà H, ông Đ, Ủy ban nhân dân xã HB phải có trách nhiệm làm thủ tục kê khai cấp giấy chứng nhận cho đúng thực tế được quyền sử dụng đất với Cơ quan có thẩm quyền. Cụ thể: ông M, bà H được quyền sử dụng đất tại thửa số 166, tờ bản đồ số 37 có diện tích là 560,6m2. Thửa đất số 42 nay là thửa đất tại thửa đất số 165 tờ bản đồ số 37 theo bản đồ địa chính hiện có diện tích là 385,7m2 nhưng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đ có diện tích 270m2. Ủy ban nhân dân xã HB được UBND huyện ĐH giao quản lý diện tích 47,5m2.

Về án phí: Bị đơn ông Tạ Văn Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Và ông Đ phải có trách nhiệm hoàn trả ông M số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) chi phí tố tụng theo quy định.

Hoàn trả ông M, bà H số tiền tạm ứng án phí 250.000đ đã nộp, theo biên lai thu số 0015545 ngày 24 tháng 11 năm 2016 tại Chi cục Thi Hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 27/9/2021 đại diện theo uỷ quyền của bị đơn (Tạ Văn Đ) là anh Tạ Văn V không nhất trí với bản án đã kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 15/10/2021 ông V gửi bản giải trình đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Tạ Văn V vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Ngày 15/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên kháng nghị toàn bộ bản án theo hướng huỷ bản án số 12/DSST/2021 ngày 26/9/2021 của Toà án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKSND tỉnh Thái Nguyên vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị và bổ sung thêm nội dung cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận kháng cáo của ông Tạ Văn Đ, huỷ bản bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên. Ông Đ không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1.] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Đ làm trong hạn luật định đã nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo; Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên và kháng cáo của ông Tạ Văn Đ (uỷ quyền cho Tạ Văn V), Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Ngày 18/10/2016 (BL01) ghi người khởi kiện là Nguyễn Thị H, đồng nguyên đơn Nguyễn Văn M (trong đơn khởi kiện ông M không ký); Người bị kiện Tạ Văn V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Tạ Văn Đ. Đơn khởi kiện *"yêu cầu khôi phục lại hiện trạng ao như cũ và bồi thường cây cối trên vườn đã bị chặt phá"*

Ngày 26/9/2016 ông Nguyễn Văn M uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị H tham gia tố tụng (BL 13)

Ngày 28/11/2016 Toà án ra thông báo thụ lý số 38/TB-TLVA nguyên đơn Nguyễn Thị H; Bị đơn Tạ Văn V, Tạ Văn Đ (BL22)

Ngày 12/12/2016 Tạ Văn Đ uỷ quyền cho Tạ Văn V (BL35)

Biên bản phiên họp ngày 12/12/2016 xác định nguyên đơn Nguyễn Thị H; Bị đơn Tạ Văn V, Tạ Văn Đ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T (BL 54).

Biên bản thẩm định tại chỗ xác định nguyên đơn Nguyễn Thị H; Bị đơn Tạ Văn Đ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị T (BL 63)

Quyết định gia hạn giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị H; Bị đơn Tạ Văn Đ; Tạ Văn V.

Biên bản hoà giải ngày 03/7/2017 xác định nguyên đơn Nguyễn Thị H; bị đơn Tạ Văn Đ, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Tạ Văn V người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T (BL 88);

Quyết định tạm đình chỉ ngày 31/7/2020, xác định nguyên đơn Nguyễn Thị H; bị đơn Tạ Văn Đ, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Tạ Văn V; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Văn M. (BL 279)

Tại bản án DSST số 12/2021 ngày 26/9/2021 xác định xác định nguyên đơn Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn M; bị đơn Tạ Văn Đ, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Tạ Văn V; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND xã Hoà Bình.

Như vậy, trong quá trình giải quyết vụ án. Toà án cấp sơ thẩm đã xác định không chính xác tư cách tham gia tố tụng, trong đơn khởi kiện nguyên đơn khởi kiện ông Tạ Văn V (người trực tiếp đổ đất xuống vị trí đất tranh chấp) người liên quan là ông Tạ Văn Đ, sau khi ông Tạ Văn Đ uỷ quyền cho ông Tạ Văn V thì ông Đ lại là bị đơn, ông V là đại diện theo uỷ quyền của ông Đ, ông V từ sau khi ông Đ uỷ quyền thì chỉ được tham gia tố tụng với tư cách đại diện theo uỷ quyền của ông Đ; Đối với ông Nguyễn Văn M lúc thì xác định là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lúc thì xác định là nguyên đơn; chị Nguyễn Thị T (vợ anh V)trong quá trình giải quyết đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi liên quan, tuy nhiên đến phiên toà thì không đưa chị Thu tham gia tố tụng nữa. Chị S vợ anh Tạ Văn Đ không được đưa vào tham gia tố tụng. Ngoài ra, việc cấp sơ thẩm đưa UBND xã Hoà Bình, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không cần thiết, vì trong vụ án này UBND xã HB không có quyền lợi hay nghĩa vụ gì.

[2.2] Đối với phần tuyên của bản án sơ thẩm thì thấy cấp sơ thẩm chưa xác định rõ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là gì? *"yêu cầu khôi phục lại hiện trạng ao như cũ và bồi thường cây cối trên vườn đã bị chặt phá"* hay yêu cầu bị đơn trả lại đất? (Vì thực tế nguyên đơn đang quản lý diện tích có tranh chấp) Nguyên đơn không yêu cầu công nhận 560,6m^2 thửa 166 bản đồ 37, tuy nhiên Toà án cấp sơ thẩm lại công nhận cho nguyên đơn. Ngoài ra phía ông Đ không có yêu cầu công nhận 385,7m^2 thửa 165, tuy nhiên Toà án cấp sơ thẩm lại công nhận và yêu cầu có trách nhiệm làm thủ tục kê khai là giải quyết không đúng và vượt quá yêu cầu của đương sự.

[3] Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án Toà án cấp sơ thẩm tiến Hành thẩm định và định giá cùng một ngày nên biên bản định giá không xác định được cụ thể tài sản định giá tài sản gì? Số lượng là bao nhiêu?

Do những thiếu sót nghiêm trọng trong việc xác định tư cách người tham gia tố tụng và xác M, thu thập chứng cứ mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên chấp nhận kháng cáo của ông Tạ Văn V và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[4.] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ.

[5.] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông V không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 308; khoản 2 Điều 310; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Tạ Văn V. Chấp nhận Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên

1. Huỷ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 26/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên. Chuyển hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng sẽ được xem xét giải quyết lại ở cấp sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Tạ Văn V không phải nộp án phí phúc thẩm. Trả lại ông V 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu

số 0005152 ngày 27/9/2021 tại Chi cục THA dân sự huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy **Lê Thị Hồng Phương** **Nguyễn Minh Lý**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện ĐH;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- THADS huyện ĐH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn M Lý